

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ HÀ NỘI

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH
THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỒI THƯỜNG,
HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, THU HỒI ĐẤT, DI CHUYỂN
CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ SAN NỀN
DEPOT SƠN ĐỒNG**

*(Thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà
Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc)*



Hà Nội, tháng năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên dự án

Dự án giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật và san nền Depot Sơn Đồng (sau đây gọi tắt là Dự án).

(thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc)

1.1.2. Địa điểm thực hiện Dự án

Dự án được triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.1.3. Chủ dự án

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND Thành phố Nội
- Chủ dự án: Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội
 - Đại diện: Ông Nguyễn Cao Minh Chức vụ: Trưởng ban
 - Địa chỉ: Tòa nhà CC2, KĐT Đồng Tàu, Phường Hoàng Mai, Hà Nội

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng phạm vi xây dựng tuyến đường sắt với tổng diện tích khoản 131,13 ha. Trong đó có 19,81 ha đất chuyên trồng lúa nước, 0,41 ha đất sản xuất kinh doanh, còn lại là các loại đất công không phải bồi thường.
- Cắt xén khoảng 13 căn nhà với tổng diện tích là 64m².
- Di dời, hoàn trả hệ thống điện;
- Di dời, hoàn trả hệ thống cấp nước;
- Di dời, hoàn trả hệ thống thoát nước;
- Di dời, hoàn trả hệ thống viễn thông
- Di dời cây xanh;

- San nền nhà ga Depot 1: San nền nhà ga Depot 1 với diện tích khoảng 32ha.
- Cấm cọc Giải phóng mặt bằng: Cấm cọc giải phóng mặt bằng toàn bộ phạm vi tuyến đường sắt.

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

Sau khi kết thúc giai đoạn thi công, xây dựng; Dự án sẽ sau đó bàn giao lại mặt bằng để triển khai dự án thành phần xây lắp.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

5.1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Hạng mục giải phóng mặt bằng:
 - Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ thu hồi đất trong phạm vi xây dựng tuyến đường sắt;
 - Phá dỡ các công trình trên đất;
 - Cấm cọc giải phóng mặt bằng;
- Hạng mục di dời công trình HTKT
 - Di dời hệ thống điện;
 - Di dời hệ thống cấp thoát nước;
 - Di dời hệ thống viễn thông;
 - Di dời cây xanh;
- Hạng mục san nền khu Depot 1:
 - Đào đắp san nền.
 - Xây dựng hàng rào bảo vệ
 - Cải tạo hệ thống kênh mương hiện tại.
 - Xây dựng hệ thống thoát nước mưa.
- Công trình phụ trợ:
 - Các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công gồm: 01 lán trại tại khu vực Depot 1
- Công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở:
 - Xử lý nền đất yếu tại khu vực thi công san nền Depot 1.
- Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, các công trình bảo vệ môi trường khác: không có.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động lắp đặt công trường thi công; thi công xây dựng các hạng mục của Dự án; vận chuyển đồ thải đất, đá thải loại, chất thải xây dựng; hoạt động của công trường; hoạt động sinh hoạt của công nhân tại các công trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích ≥ 5 ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

2.1.1. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

a. Vị trí, ranh giới của Dự án

Dự án có tổng chiều dài tuyến khoảng 35km, thuộc địa phận 18 xã/phường của thành phố Hà Nội, với:

- Điểm đầu: Tại ngã tư Văn Cao - Hoàng Hoa Thám, thuộc địa bàn phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội;
- Điểm cuối: Tại khu vực Thạch Bình, thuộc địa bàn xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Hà Nội.

Phạm vi thu hồi đất của Dự án nằm trong ranh giới địa lý hành chính 18 xã/phường của thành phố Hà Nội, bao gồm: Tây Hồ, Ngọc Hà, Giảng Võ, Láng, Yên Hòa, Từ Liêm, Đại Mỗ, Xuân Phương, Tây Mỗ, Sơn Đồng, An Khánh, Dương Hòa, Quốc Oai, Tây Phương, Kiều Phú, Hạ Bằng, Yên Xuân, Hòa Lạc.

b. Việc chiếm dụng các loại đất khác nhau

Toàn bộ diện tích này sử dụng để xây dựng tuyến đường sắt. Các hạng mục di dời công trình hạ tầng kỹ thuật đều nằm trong phạm vi công trình công cộng, không phát sinh thu hồi đất.

Bảng 1.5. Hiện trạng quản lý sử dụng đất của Dự án

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
1	Đất ở	ODT	0,0064
2	Đất nông nghiệp	LUC	20,08
3	Đất thể thao, văn hóa	DTT, DVH	0,06

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
4	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,05
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,05
6	Đất giáo dục	DGD	0,03
7	Đất y tế	DYT	0,02
8	Đất bưu điện	DBV	0,01
9	Đất công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,31
10	Đất sản xuất kinh doanh	SKC	0,47
11	Đất quốc phòng	CQP	1,06
12	Đất giao thông, thủy lợi	DGT, DTL	97,21
	Tổng cộng		119,34

Nguồn: Dự án đầu tư

2.1.2. Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

Mối tương quan của Dự án với các đối tượng xung quanh được trình bày tại bảng dưới.

Bảng 1.2. Các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường và các đối tượng khác

TT	Đối tượng/ lý trình	Khoảng cách đến Dự án (m)	Ghi chú
I	Đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường		
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III và IV	Không có	
2	Dự án có xả thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích sinh hoạt	Không có	
3	Khu bảo tồn thiên nhiên; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng tự nhiên	Không có	
3	Khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng	Không có	
4	Đất trồng lúa 2 vụ	Cắt qua	Dự án chiếm dụng khoảng 20,08ha đất chuyên trồng lúa nước (LUC)
5	Các hộ di dời	Không có	

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với

diện tích ≥ 5 ha.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng
 - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các công nhân phục vụ Dự án khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường thi công}$ (Dự án bố trí 01 công trường thi công tại deport Sơn Đồng). Thành phần chủ yếu gồm: Các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...
 - Nước thải thi công:
 - Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe và mặt ngoài thùng xe vận chuyển tại công trường thi công dọc tuyến khoảng $9,3 \div 15,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tại công trường deport Sơn Đồng. Thành phần chủ yếu gồm: TSS, váng dầu mỡ,...
- Giai đoạn vận hành: Không có.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; đổ đất đá loại, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công;... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , HC.
- Giai đoạn vận hành: Không có

2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng $10 \text{ kg}/\text{ngày}/\text{công trường thi công}$. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại bao bì, giấy, vỏ chai lọ thải bỏ, thức ăn thừa,...
 - Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng gồm khoảng 123 tấn phế thải phá dỡ, khoảng $1,3 \div 1,95 \text{ m}^3$ bùn bở phốt; khoảng 149 tấn sinh khối; khoảng 96.950 m^3 đất đá loại. Thành phần chủ yếu gồm đất hữu cơ.
- Giai đoạn vận hành: Không có.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh trên toàn bộ 40 công trường thi công gồm:
 - Dầu thải (từ việc thay dầu máy định kỳ của các phương tiện tham gia thi công) khoảng 7 lít/ lần thay và chu kỳ thay (117 ca xe/ lần thay).
 - Chất thải nguy hại từ hoạt động bảo dưỡng khoảng $20 \div 30$ kg/công trường/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu, ốc quy thải, vỏ thùng sơn,...
- Giai đoạn vận hành: Không có.

2.2.2. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.2.1. Tiếng ồn và độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các phương tiện thi công, vận chuyển (máy đào, máy xúc, xe lu, xe ủi,...).
- Giai đoạn vận hành: Không có

2.2.2.1. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, hoạt động giao thông và hoạt động kinh doanh, sản xuất của người dân khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.
 - Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.
- Giai đoạn vận hành: Không có

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.3.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng
 - Nước thải sinh hoạt: sử dụng 01 nhà vệ sinh di động 3 hoặc 5 buồng, tổng dung tích khoảng từ $900 \div 2.000$ lít tại công trường deport Sơn Đồng. Chủ đầu tư dự

án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ các nhà vệ sinh theo quy định.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

- Nước thải thi công: Bố trí cầu rửa xe và hố lắng nước thải rửa xe tại công trường deport Sơn Đồng với dung tích khoảng 10m³, có lót bạt chống thấm. Trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vãi hút dầu để tách văng dầu trên bề mặt. Vãi hút dầu được định kỳ 1 tuần/lần thay thế và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại để lưu giữ, xử lý theo quy định. Bùn đất tại hố lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn xây dựng.
- Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu trộn bê tông; nước thải rửa bánh xe và mặt ngoài thùng xe → hố lắng → tái sử dụng để tưới nước giảm bụi.
- Giai đoạn vận hành: Không có
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:
 - Đảm bảo tuân thủ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
 - Nước mưa chảy tràn: thu gom, dẫn dòng trong quá trình thi công để đảm bảo tiêu thoát nước.

b. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Sử dụng các phương tiện chuyên chở, xe chuyên dụng có thùng kín, xe thi công trong hạn đăng kiểm, không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải; các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh; sử dụng bạt che chắn khu tập kết nguyên vật liệu, chất thải xây dựng được che chắn; bố trí 01 cầu rửa xe.
 - Thường xuyên tưới nước tại các khu vực đào đắp định kỳ 02 lần/ngày.
 - Quy chuẩn áp dụng: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Giai đoạn vận hành: Không có
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng đảm bảo đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2.3.1.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác có nắp đậy, dung tích từ 100 lít đến 240 lít/thùng/công trường đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án. Chủ đầu tư dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.
 - Đối với chất thải rắn xây dựng: Tận dụng tối đa đất đá loại để san nền; phần còn thừa được tập kết tạm thời trong phạm vi giải phóng mặt bằng sau đó vận chuyển đến đổ tại các bãi đổ đất đá loại đã được địa phương chấp thuận.
- Giai đoạn vận hành: Không có.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng tại các công trường và vận chuyển về lưu giữ tại khu vực chứa chất thải nguy hại tạm thời (bố trí 01 kho trên diện tích khoảng 5 m², có mái che, gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; trong kho có khoảng 04 thùng chứa chuyên dụng riêng biệt dung tích từ 100 lít đến 240 lít có dán nhãn cảnh báo). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Sau khi hoàn thành thi công, thực hiện tháo dỡ kho chứa tạm để hoàn trả mặt bằng.
 - Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
- Giai đoạn vận hành: Không có.

2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3.2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên;
 - Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình xung quanh.
- Giai đoạn vận hành: Không có.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, vận hành Dự án.

2.3.2.1. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:
 - Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.
 - Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông được biết.
- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái: Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống đất canh tác, ao của dân tại những vị trí sát đất rừng, đất canh tác của người dân; hoàn nguyên môi trường.
- Tuyển dụng lao động địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và tránh các mâu thuẫn phát sinh.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Dọc tuyến, trên toàn bộ phạm vi thi công xây dựng;
- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa, đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giám sát môi trường không khí, ồn, rung

Do đặc thù Dự án giao thông, trong quá trình xây dựng có thể gây ra các vấn đề về bụi, ồn, rung ảnh hưởng đến người dân và các công trình xung quanh nên chương trình giám sát không khí ồn rung được đặt ra để kiểm soát ô nhiễm, bụi, ồn, rung và điều chỉnh các biện pháp cho phù hợp với điều kiện thực tế của Dự án.

- Vị trí giám sát: KDC deport Sơn Đồng;
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công xây dựng
- Thông số giám sát: Ôn, rung, SO₂; CO; NO₂; TSP
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

d. Giám sát khác

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng.
- Giám sát việc hoàn nguyên môi trường sau khi thi công Dự án.
- Giám sát hoạt động đổ đất đá loại đúng nơi quy định;
- Giám sát tình trạng tràn đổ đất xuống các nguồn nước kế cận vị trí thi công.

2.4.1.2. Giai đoạn vận hành

Không có.

2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

– Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công xây dựng.
- Bố trí phương tiện phòng cháy và huấn luyện chữa cháy.
- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

– Giai đoạn vận hành: Không có

2.5. Các nội dung khác

2.5.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có)

Không có.

2.5.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có)

Không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Chủ Dự án cam kết thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Chủ Dự án cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Chủ Dự án cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương (nếu có).

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



PHÓ TRƯỞNG BAN

Lưu Trung Dũng